TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 01 /2018/DS-ST
Ngày: 25/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Viết Tác

- Ông Hoàng Văn Đằng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Miên - Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài" sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXX-ST ngày 13/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số:01 /2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Địa chỉ: 169 Phố Linh Đường, Phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lường Thị Kim D; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh B (theo Giấy ủy quyền số 4716/UQ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1984: Địa chỉ. Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2016, lời khai của người đại diện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam trình bày: Ngày 21/6/2010 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh B có cho gia đình bà Phạm Thị Hồng N vay số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), theo khế ước nhận sổ số 020090NS01; mục đích vay chi phí xây dựng chương trình nước sạch và công trình vệ sinh, lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn cho vay 46 tháng, thời hạn trả nợ ngày 10/4/2014.

Ngày 05/4/2014 bà N đề nghị gia hạn nợ lần 1 được Ngân hàng phê duyệt gia hạn nợ 12 tháng . Ngày 06/4/2015 bà đề nghị gia hạn nợ lần 2 và được Ngân hàng phê duyệt gia hạn nợ 09 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 18/01/2016.

Khi hết hạn trả nợ bà N không trả được nợ gốc là 8.000.000đ (Tám triệu đồng) nên Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh B đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 18/01/2016.

Tổng số tiền lãi bà N đã nộp vào Ngân hàng là 4.486.320 đồng, trong đó: Lãi trong hạn từ ngày 22/6/2010 đến ngày 18/8/2015 là 4.486.320 đồng.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Hồng N thực hiện theo hợp đồng trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc là: 8.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn cụ thể:

- Lãi trong hạn từ ngày 18/8/2015 đến ngày 17/01/2016 là 364.800 đồng

- Lãi quá hạn từ ngày 18/01/2016 đến ngày xét xử ngày 25/01/2018 là 2.297.816 đồng.

- Tổng số tiền là: 10.662.616 đ (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

* Bị đơn bà Phạm Thị Hồng N trình bày.

Năm 2010 vợ chồng bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) do chồng bà là Lục Văn Đ đứng tên vay, bà là người thừa kế, vay vốn theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Tháng 3/2012 chồng bà mất, trước khi chồng bà mất thì chồng bà có trả được 5.000.000đ và sau đó có trả nốt 3.000.000đ tiền gốc còn lại. Việc trả tiền nợ gốc và lãi đều thực hiện thông qua bà Hoàng Thị M vì khi đó bà M là trưởng thôn vừa là tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn.

Đến tháng 11/2014 Ngân hàng xuống tận thôn, xã để thu hồi nợ vay thì bà M mới nói với bà số tiền bà đưa nhờ trả Ngân hàng bà đã xâm tiêu hết nay chưa có tiền trả nên có bảo bà N viết giấy gia hạn và bà N đã đồng ý viết giấy đề nghị gia hạn nợ. Nay Ngân

hàng khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ bà nhất trí trả nhưng khi nào bà M trả tiền cho bà thì bà mới trả nợ cho Ngân hàng được, vì hiện nay bà điều kiện khó khăn một mình nuôi con nhỏ, không có khả năng trả lần nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền Việt Nam đồng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng giữa hai bên được giao kết và thực hiện tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C và là nơi cư trú của bị đơn. Do đó, theo quy định tại các điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn.

[2]. Về nội dung: Ngày 21/6/2010 ông Lục Văn Đ và bà Phạm Thị Hồng N được Ngân hàng chính sách xã hội huyện C cho vay 8.000.000đ theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất vay 0,9%/tháng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi xuất khi cho vay, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/6/2014. Bà N đã nhận đủ số tiền 8.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số 020090NS01 Đến hạn trả nợ nhưng do chưa trả được ngày 05/4/2014 bà N đề nghị gia hạn 02 lần và đã được Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh B cho kéo dài thời hạn trả nợ với tổng thời gian là 21 tháng, đến ngày 18/01/2016 là hạn cuối cùng trả nợ. Tuy nhiên, tính đến nay bà N chưa trả được khoản nợ gốc nào, chỉ mới trả được số tiền lãi tính đến ngày 18/8/2015 là: 4.486.320 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đến hạn trả nợ bà N không trả được số tiền nợ gốc nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 18/01/2016 đến nay.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong các bản khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa bà N đều thừa nhận được vay số tiền trên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam với nội dung thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng và đến nay vẫn chưa trả được nợ gốc và lãi phát sinh. Theo quy định tại Khoản 2

Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc bà N vay của Ngân hàng số tiền 8.000.000đ là có thật.

Về nghĩa vụ trả nợ bà N cho rằng số tiền nợ này bà đã đưa cho bà M nộp hộ trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà M lại không nộp. Vì vậy, nay bà vẫn nhất trí trả Ngân hàng nhưng khi nào bà M trả thì bà mới có tiền trả Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào hồ sơ đề nghị vay vốn và sổ vay vốn thì người đứng tên vay là ông Lục Văn Đ và người thừa kế là bà Phạm Thị Hồng N, nhưng ông Đ đã chết. Vì vậy bà N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn trả nợ, do đó bà M không có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng. Còn việc bà N đưa tiền nhờ bà M trả tiền hộ là việc cá nhân giữa hai người không làm phát sinh, thay đổi nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Tuy nhiên, đối với khoản tiền bà M cầm của bà, bà N có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về tiền lãi: Bị đơn bà N không xác định được cụ thể đã trả lãi được bao nhiêu và trả đến thời điểm nào, bản thân bà không cung cấp được giấy tờ, tài liệu gì về các lần nộp tiền lãi. Căn cứ vào thẻ theo dõi giao dịch tiền vay Ngân hàng cho thấy bà đã nộp tiền lãi vào Ngân hàng được là 4.486.320 đồng, tương đương với số tiền lãi phải trả đến ngày 18/8/2015, mặc dù lần trả lãi cuối cùng nhất là ngày 18/02/2016. Như vậy số tiền lãi hiện còn nợ của bà không còn liên quan đến Bà M. Bởi lẽ, bà thôi làm tổ trưởng tổ vay vốn và không được thu lãi từ ngày 15/12/2014.

Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy do bị đơn bà Phạn Thị Hồng N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét cần buộc bà Phạm Thị Hồng N phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử.

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bà Phạm Thị Hồng N phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 298, Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Án lệ số 08/2016/AL AL

được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh B số tiền nợ gốc là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), tiền nợ lãi trong hạn là 364.800đ (Ba trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm đồng) và lãi quá hạn là 2.297.816đ *(Hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng*). Tổng số tiền bà N phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam là 10.662.616 đ (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

"*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay* ".

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà N phải chịu 533.130đ (*Năm trăm ba mươi ba nghìn một trăm ba mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND H.Chợ Đồn;*
- *TAND T. Bắc Kạn;*
- *Các đương sự;*
- *CCTHADS H.Chợ Đồn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Thu Hường